Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2712.90.90

Mã HS	2712.90.90
Mô tả hàng hóa	Vazơlin (petroleum jelly); sáp parafin, sáp dầu lửa vi tinh thể, sáp than cám, ozokerite, sáp than non, sáp than bùn, sáp khoáng khác, và sản phẩm tương tự thu được từ quy trình tổng hợp hoặc quy trình khác, đã hoặc chưa nhuộm màu / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 12:08:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27129090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3357
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3357
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3357
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3357
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3354
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3315
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3315
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3315
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3315
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3315
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3315
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3353
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3353
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3353
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3353
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3353
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3357
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3357
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3357
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3357
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3357
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3357
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3357
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3321
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3317
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3317
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3317
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3317
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3317
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3317
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3317
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3317
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3317
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3317
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3317
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3317
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3364
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3364

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3364
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3364
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3364
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3364
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3361
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3361
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3361
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3361
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3361
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3361
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D3369
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E3369
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F3369
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G3369
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H3369
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3369
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3340
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3340
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3340
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3340
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3340
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3340
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3342
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3342
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3342
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3342

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3342
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3342
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3340
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3340
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3340
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3340
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3340
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3340
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3340
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3361
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3361
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3361
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3361
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3361
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3361
RCEP B	2022	2022	0	B!D3361
RCEP B	2023	2023	0	B!E3361
RCEP B	2024	2024	0	B!F3361
RCEP B	2025	2025	0	B!G3361
RCEP B	2026	2026	0	B!H3361
RCEP B	2027	2027	0	B!I3361
RCEP C	2022	2022	0	C!D3361
RCEP C	2023	2023	0	C!E3361
RCEP C	2024	2024	0	C!F3361
RCEP C	2025	2025	0	C!G3361
RCEP C	2026	2026	0	C!H3361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3361
RCEP D	2022	2022	0	D!D3361
RCEP D	2023	2023	0	D!E3361
RCEP D	2024	2024	0	D!F3361
RCEP D	2025	2025	0	D!G3361
RCEP D	2026	2026	0	D!H3361
RCEP D	2027	2027	0	D!I3361
RCEP E	2022	2022	0	E!D3364
RCEP E	2023	2023	0	E!E3364
RCEP E	2024	2024	0	E!F3364
RCEP E	2025	2025	0	E!G3364
RCEP E	2026	2026	0	E!H3364
RCEP E	2027	2027	0	E!I3364
RCEP F	2022	2022	0	F!D3361
RCEP F	2023	2023	0	F!E3361
RCEP F	2024	2024	0	F!F3361
RCEP F	2025	2025	0	F!G3361
RCEP F	2026	2026	0	F!H3361
RCEP F	2027	2027	0	F!I3361
VIFTA	2024	2024	2	VI!F3100
VIFTA	2025	2025	1	VI!G3100
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3100
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3100

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2712.90 có 2 dòng thuế; dòng 2712.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2712.90.10 Sáp parafin	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2712.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2712.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3357), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.